

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VNĐ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7,643,138,760,215	4,467,395,844,501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,336,577,955,632	1,838,619,478,462
1. Tiền	111	VI.01	1,951,577,955,632	1,437,619,478,462
Trong đó :				
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			1,237,953,949,643	1,220,193,211,104
2. Các khoản tương đương tiền	112		385,000,000,000	401,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,824,573,230,127	1,560,974,883,699
1. Đầu tư ngắn hạn	121	VI.02	2,902,477,183,053	1,693,567,623,260
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	VI.02	(77,903,952,926)	(132,592,739,561)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,463,386,422,629	1,063,757,995,727
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.09	2,400,439,756,419	914,256,741,795
2. Trả trước cho người bán	132	VI.11	13,769,351,911	8,066,208,100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	VI.09	383,487,186	1,446,438,742
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.09	49,704,327,113	140,899,107,090
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.12	(910,500,000)	(910,500,000)
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,601,151,827	4,043,486,613
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,271,908,018	2,420,803,153
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		47,026,992	54,592,720
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		14,282,216,817	1,568,090,740

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		2,569,878,388,067	3,237,677,670,239
I Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		139,502,753,903	135,295,186,898
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.05	18,566,174,672	19,578,812,231
<i>Nguyên giá</i>	222		83,635,649,705	79,165,295,599
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(65,069,475,033)	(59,586,483,368)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.07	120,936,579,231	115,716,374,667
<i>Nguyên giá</i>	228		165,471,454,836	156,735,350,526
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(44,534,875,605)	(41,018,975,859)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản tư	240	VI.06	254,395,916,758	260,803,573,480
<i>Nguyên giá</i>	241		283,612,736,520	283,612,736,520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(29,216,819,762)	(22,809,163,040)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,067,170,527,530	2,766,722,057,584
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.03	955,455,730,285	1,349,760,867,243
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		876,259,238,012	1,046,043,291,514
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		876,259,238,012	1,046,043,291,514
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	538,617,000,000	538,617,000,000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(303,161,440,767)	(167,699,101,173)
V. Tài sản dài hạn khác	260		108,809,189,876	74,856,852,277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.04	480,239,250	481,906,824
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	VI.15	82,178,775,620	50,719,770,447
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.08	19,982,911,796	17,482,911,796
4. Tài sản dài hạn khác	268		6,167,263,210	6,172,263,210
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10,213,017,148,282	7,705,073,514,740

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4,539,425,876,618	2,379,901,087,847
I. Nợ ngắn hạn	310		4,510,291,637,795	2,353,917,131,753
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	1,350,672,548,220	358,961,041,321
2 Phải trả người bán	312		2,492,872,323	1,440,928,363
3 Người mua trả tiền trước	313	VI.14	70,242,487,630	150,871,433,750
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	90,001,800,983	35,762,708,305
5 Phải trả người lao động	315		2,706,662,241	19,911,720,419
6 Chi phí phải trả	316	VI.13	38,025,049,664	8,429,411,455
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.17	751,544,057,757	539,245,630,861
9 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.16	1,734,935,829,919	1,137,144,645,197
10 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.18	364,292,453,834	11,152,796,929
11 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		886,457,160	605,427,160
12 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.19	104,431,123,518	89,950,440,876
13 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		60,294,546	440,947,117
15 Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		29,134,238,823	25,983,956,094
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		554,600,440	682,499,184
4 Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	VI.15	28,579,638,383	25,301,456,910
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10 Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.20	5,590,151,567,039	5,242,182,121,978
I. Vốn chủ sở hữu	410		5,590,151,567,039	5,242,182,121,978
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3,537,949,420,000	3,537,949,420,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		342,196,810,218	344,944,356,378
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		(4,185,339,535)	(5,358,122,972)
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	(89,246,317,760)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		372,998,887,930	335,813,119,252
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,341,191,788,426	1,118,079,667,080
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		83,439,704,625	82,990,304,915
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400+430)	440		10,213,017,148,282	7,705,073,514,740

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ nhân giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		15.017.990.960,000	12.849.119.240,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		12.114.296.820,000	11.254.258.750,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		70.747.260,000	816.277.140,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		10.645.918.380,000	8.975.656.080,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.397.631.180,000	1.462.325.530,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		219.762.900,000	174.383.220,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		209.892.100,000	173.838.220,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		9.870.800,000	545.000,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		1.951.308.630,000	865.812.190,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		1.951.308.630,000	865.812.190,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		707.490.520,000	545.665.500,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		-	1.340.000,000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		703.440.530,000	530.836.300,000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		4.049.990,000	13.489.200,000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		25.132.090,000	8.999.580,000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	1.570,000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		24.875.600,000	8.718.520,000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		256.490,000	279.490,000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.8 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047			
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		908,292,760,000	860,405,510,000
<i>Trong đó:</i>				
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		725,535,190,000	761,941,870,000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		14,439,920,000	9,481,650,000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		558,899,280,000	583,658,700,000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		152,195,990,000	68,801,520,000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		148,800,330,000	64,922,200,000
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1,000,000,000	1,000,000,000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		60,377,350,000	63,922,200,000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		87,422,980,000	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3 Chứng khoán cầm cố	061		32,348,240,000	32,580,440,000
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		32,348,240,000	32,580,440,000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4 Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071		1,609,000,000	961,000,000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		1,609,000,000	961,000,000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người Lập Biểu


Nguyễn Thị Bích Anh

Kê toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2014

Trưởng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN

Nguyễn Hồng Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2014

Đơn vị tính VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 3		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7	
1	Doanh thu	01		417.899.632,683	177.147.410,534	1.286.543.341,563	522.506.847,710
	Trong đó:						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		94.408.579,643	27.802.880,600	238.698.418,479	97.416.391,278
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	VI.21	182.912.006,781	45.012.254,635	680.673.811,697	121.035.972,893
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		40.505,621	68,182	101.847,825	4.580,621
	Doanh thu quản lý danh mục đầu tư của công ty Quản lý quỹ			1.649.239,865	676.135,343	3.436.412,353	1.627.730,042
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.085.798,258	5.774.427,656	14.151.446,978	13.511.646,804
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.228.637,156	1.283.765,919	3.824.422,911	4.048.625,610
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		1.738.648,475	2.952.345,354	5.895.979,549	7.099.422,617
	Doanh thu khác	01.9	VI.22	132.836.018,984	93.645.532,845	339.751.001,771	277.762.477,845
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		417.899.632,683	177.147.410,534	1.286.543.341,563	522.506.847,710
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.23	195.503.582,081	86.258.600,919	441.400.088,933	261.510.031,024
	Trong đó:						
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1		145.663.221,800	104.509.541,646	360.787.865,974	339.047.313,757
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2		49.840.360,281	(18.250.940,727)	80.612.222,959	(77.537.282,733)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		222.396.050,602	90.888.809,615	845.143.252,630	260.996.816,686
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	2.758.053,811	2.595.477,389	9.196.117,127	8.258.755,964
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		219.637.996,791	88.293.332,226	835.947.135,503	252.738.060,722
8	Thu nhập khác	31	VI.25	749.196,415	18.819.481,465	3.166.407,213	51.827.232,984
9	Chi phí khác	32	VI.25	2.341,382	6.114,049	5.363,370	72.287,360
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		746.855,033	18.813.367,416	3.161.043,843	51.754.945,624
11	Lợi nhuận từ các công ty liên kết	41	VI.03	13.682.551,606	11.423.288,862	(26.153.390,674)	112.283.894,251
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	50		234.067.393,430	118.529.988,504	812.954.788,672	416.776.900,597
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		71.731.139,470	11.287.201,965	196.422.780,022	61.944.267,404
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(25.965,227,995)	12.949.838,230	(27.948,998,250)	4.609.539,085
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61-62)	60		188.301,481,955	94.292.948,309	644.481.006,900	350.223.094,108
15.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		430.209,545	88.804,199	449.399,863	(237.215,965)
15.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		187.871,272,410	94.204,144,110	644.031,607,037	350.460,310,073
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người Lập Biểu

Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy



Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2014

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Đây	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	812,954,788,672	416,776,900,596
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(404,569,035,667)	(241,776,886,819)
- Khấu hao tài sản cố định	02	15,609,031,975	19,062,181,823
- Các khoản lập dự phòng	03	80,612,222,959	(77,537,282,733)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(506,015,140,382)	(185,981,671,068)
- Chi phí lãi vay	06	5,224,849,781	2,679,885,159
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	408,385,753,005	175,000,013,777
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1,349,317,593,946)	(169,903,865,752)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	(1,225,075,821,247)	443,580,843,599
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	477,519,859,938	719,240,416,733
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1,849,437,288)	6,739,504,783
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5,073,584,340)	(3,160,893,898)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(151,567,833,037)	(59,691,321,390)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	27,000,000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(26,269,534,300)	(13,535,597,902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,873,221,191,215)	1,098,269,099,950
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7,449,860,031)	(8,344,465,470)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1,000,000	1,827,272,727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(61,530,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	417,694,472,326	70,218,106,711
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,114,180,101,926)	(241,975,841,831)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1,845,091,740,813	234,020,784,244
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	151,878,993,062	119,348,955,226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,293,036,244,244	113,564,811,607

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	86,498,771,600	15,854,880,000
2. Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số	31a	-	-
3. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(131,760)
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	11,722,374,686,062	1,592,975,237,053
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
6. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(10,730,663,179,163)	(1,875,861,955,819)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(66,854,358)	(349,766,416,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1,078,143,424,141	(616,798,386,526)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	497,958,477,170	595,035,525,031
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,838,619,478,462	1,947,090,450,986
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2,336,577,955,632	2,542,125,976,017

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kê Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2014
 P. Tổng Giám Đốc



BẢO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHI TIÊU - 9 tháng năm 2014	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,537,949,420,000	-	-	3,537,949,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		344,944,356,378	-	2,747,546,160	342,196,810,218
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(5,358,122,972)	1,172,783,437	-	(4,185,339,535)
4. Cổ phiếu quỹ		(89,246,317,760)	-	(89,246,317,760)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		335,813,119,252	37,185,768,678	-	372,998,887,930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,118,079,667,080	644,263,432,426	421,151,311,080	1,341,191,788,426
Cộng		5,242,182,121,978	682,621,984,541	334,652,539,480	5,590,151,567,039

CHI TIÊU - 9 tháng năm 2013	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,526,117,420,000	11,832,000,000	-	3,537,949,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340,921,476,378	4,022,880,000	-	344,944,356,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(2,605,677,770)	-	2,205,187,600	(4,810,865,370)
4. Cổ phiếu quỹ		(89,246,186,000)	(131,760)	-	(89,246,317,760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289,383,181,436	46,429,937,816	-	335,813,119,252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,127,002,833,821	350,460,310,073	426,967,966,810	1,050,495,177,084
Cộng		5,191,573,047,865	412,744,996,129	429,173,154,410	5,175,144,889,584

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2014
 P. Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2014 (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/2000/GPHDKD, do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư.
4. Tổng số nhân viên : 495
5. Công ty con :
Tại ngày 30/09/2014, Công ty có 3 công ty con được hợp nhất:

- Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007.
+ Ngành hoạt động : Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư .
+ Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng (sở hữu 100%)

- Quỹ đầu tư thành viên SSI được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010
+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư của Quỹ: đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản
+ Vốn điều lệ: 390 tỷ đồng (sở hữu 80%)
+ Thời gian hoạt động của quỹ: 31 năm

- Công ty Quốc tế SSI (SSI International Corp.) được thành lập ngày 27/08/2009 theo số đăng ký SRV 090813396 – 4724807 tại Bang Delaware, Mỹ và theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31/08/2010
+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư: đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ
+ Vốn đầu tư: tối đa 18,5 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của Công ty là 80% vốn, và là sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ đầu tư thành viên SSI.
+ Thời gian hoạt động: 30 năm

6. Công ty liên kết:
Tại ngày 30/09/2014 Công ty có 8 công ty liên kết gián tiếp được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN):

Tại thời điểm ngày 30/09/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Xuyên Thái Bình là 208.472.602.086 đồng, chiếm 20,11% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PAN và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Xuyên Thái Bình là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của PAN là 605.437.480.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch, Cho thuê xe ô tô; Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ sửa chữa nhà; dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ công viên, vườn thú; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Mua bán quần áo; Đại lý kỹ gói hàng hóa; Dịch vụ tin học, tư vấn lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính; Dịch vụ thương mại; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL):

Tại thời điểm ngày 30/09/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là 83.633.221.519 đồng, chiếm 25,71% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GIL, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của GIL là 139.245.880.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư... Dịch vụ thương mại và cầm đồ, Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC):

Tại thời điểm ngày 30/09/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là 94.207.086.291 đồng, chiếm 20,13% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SSC, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của SSC là 149.923.670.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, XNK giống cây trồng các loại, Sản xuất, kinh doanh, XNK nông sản, vật tư nông nghiệp, Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, XNK các loại máy móc thiết bị chế biến hạt giống và nông sản, Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF):

Tại thời điểm ngày 30/09/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là 44.497.837.785 đồng, chiếm 20,02% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của LAF và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 30/6/2012. Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của LAF là 147.280.190.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, xuất khẩu hạt điều và các sản phẩm chế biến từ hạt điều.

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELC):

Tại thời điểm ngày 30/09/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là 205.407.921.538 đồng, chiếm 20,01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của ELC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của ELC là 379.399.090.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử - tin học; Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa; Các dịch vụ khoa học kỹ thuật; Lắp ráp, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin; Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử - viễn thông; Cung cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ lưu trữ và xử lý dữ liệu; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị điện, điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học; Dịch vụ quảng cáo; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông; Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí; Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái; Mua bán, sản xuất các thiết bị báo cháy, thiết bị báo trộm...

CTCP Transimex-Saigon (TMS):

Tại thời điểm ngày 30/09/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Transimex-Saigon là 96.645.528.976 đồng, chiếm 20,00% số lượng cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phiếu đang lưu hành của TMS và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Transimex-Saigon là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của TMS là 230.738.240.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đường biển, đường hàng không và đường bộ. Đại lý hàng hải và môi giới tàu biển, dịch vụ thủ tục hải quan. Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan, kho thu gom đóng gói hàng lẻ CFS, điểm thông quan nội địa ICD. Kinh doanh vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường bộ.

CTCP Bibica (BBC):

Tại thời điểm ngày 30/09/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Bibica là 51.491.751.919 đồng, chiếm 20,00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của BBC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Bibica là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của BBC là 154.207.820.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo, xuất khẩu các sản phẩm bánh kẹo và các hàng hoá khác.

CTCP Khử Trùng Việt Nam (VFG):

Tại thời điểm ngày 30/09/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là 97.368.821.924 đồng, chiếm 20,06% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của VFG và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của VFG là 132.827.530.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán các loại thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng, Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác. Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Cho thuê văn phòng, kho bãi. Dịch vụ chống mối mọt. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Giải thích kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của quý 3/2014 so với cùng kỳ năm trước:

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ quý 3/2014 là 187.871.272.409 đồng, tăng 99,43% so với quý 3/2013 (quý 3/2013 là 94.204.144.110 đồng) với lý do chủ yếu:

- Trong quý 3/2014, thị trường chứng khoán tăng trưởng tốt và thanh khoản cao nên hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn của Công ty đạt kết quả khả quan với mức tăng 137.899.752.146 đồng (306,36%) so với cùng kỳ năm 2013

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn dùng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2014.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau (theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/ 04/2013 của Bộ Tài chính):

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 năm
Bất động sản đầu tư	27,5 năm

7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 09 năm 2014.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán và giá yết trên các tạp chí chứng khoán tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2014 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 09 năm 2014.

9. Đầu tư vào các công ty, trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể (Công ty liên kết)

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu trở lên ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian ba (03) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

10. Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

13. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

17. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH****1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Đơn vị tính: VNĐ

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 3 Năm 2014						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	146.490.741.391	196.594.558.385	81.982.492.392	1.649.239.865	4.865.152.255	431.582.184.288
2. Các chi phí trực tiếp	24.430.927.043	62.211.303.034	35.313.491.145	470.531.501	571.572.965	122.997.825.688
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	51.138.952.687	5.564.367.608	3.241.074.484	8.070.800.575	6.501.769.817	74.516.965.171
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	70.920.861.661	128.818.887.743	43.427.926.763	(6.892.092.211)	(2.208.190.527)	234.067.393.429
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014						
1. Tài sản bộ phận	3.654.799.386.853	2.622.812.351.172	2.957.201.694.106	1.776.222.886	1.998.227.188	9.238.587.882.205
2. Tài sản phân bổ	128.671.284.497	8.259.305.424	2.173.501.427	15.214.509.991	10.432.806.851	164.751.408.190
3. Tài sản không phân bổ						809.677.857.887
Tổng tài sản	3.783.470.671.350	2.631.071.656.596	2.959.375.195.533	16.990.732.877	12.431.034.039	10.213.017.148.282
1. Nợ phải trả bộ phận	1.471.886.977.876	347.225.105.387	2.117.823.164.414	-	6.592.364.305	3.943.527.611.982
2. Nợ phân bổ	91.095.764.802	5.847.363.281	1.538.779.811	10.771.458.676	7.386.143.092	116.639.509.662
3. Nợ không phân bổ						479.258.754.973
Tổng công nợ	1.562.982.742.678	353.072.468.668	2.119.361.944.225	10.771.458.676	13.978.507.397	4.539.425.876.627

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Công ty có một (01) công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSI IC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSI IC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2 đến 4%). Do đó, công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	200.955.803	177.407.310
Tiền gửi ngân hàng	1.951.376.999.829	1.437.442.071.152
<i>Trong đó :</i>		
<i>- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>1.237.953.949.643</i>	<i>1.220.193.211.104</i>
Các khoản tương đương tiền	385.000.000.000	401.000.000.000
Cộng	2.336.577.955.632	1.838.619.478.462

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VND)**

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo số kê toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
Tại ngày 30/09/2014					
I. Chứng khoán thương mại	19.414.323	367.477.183.053	-	(77.903.952.926)	289.573.230.127
- Cổ phiếu niêm yết	7.768.780	196.331.877.513	-	(5.400.620.096)	190.931.257.416
- Cổ phiếu chưa niêm yết	11.645.543	171.145.305.540	-	(72.503.332.829)	98.641.972.711
- Trái phiếu	-	-	-	-	-
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.535.000.000.000	-	-	2.535.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	2.535.000.000.000	-	-	2.535.000.000.000
III. Chứng khoán đầu tư	22.813.369	876.259.238.012	-	(36.219.440.767)	840.039.797.246
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	22.813.369	876.259.238.012	-	(36.219.440.767)	840.039.797.246
- Cổ phiếu niêm yết	15.984.775	553.455.772.765	-	(2.124.884.420)	551.330.888.346
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.628.584	101.468.007.174	-	(34.094.556.347)	67.373.950.827
- Trái phiếu	2.200.010	221.334.958.073	-	-	221.334.958.073
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
IV. Đầu tư tài chính khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(266.942.000.000)	271.675.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(266.942.000.000)	271.675.000.000
Tại ngày 31/12/2013					
I. Chứng khoán thương mại	32.529.777	644.567.623.260	-	(132.592.739.561)	511.974.883.699
- Cổ phiếu niêm yết	12.725.664	379.014.488.551	-	(68.633.045.426)	310.381.443.125
- Cổ phiếu chưa niêm yết	19.804.113	265.553.134.709	-	(63.959.694.135)	201.593.440.574
- Trái phiếu	-	-	-	-	-
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.049.000.000.000	-	-	1.049.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.049.000.000.000	-	-	1.049.000.000.000
III. Chứng khoán đầu tư	21.527.767	1.046.043.291.514	-	(29.094.601.173)	1.016.948.690.341
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	21.527.767	1.046.043.291.514	-	(29.094.601.173)	1.016.948.690.341
- Cổ phiếu niêm yết	11.497.527	334.490.654.119	-	(1.267.440.783)	333.223.213.336
- Cổ phiếu chưa niêm yết	3.850.215	78.263.507.167	-	(27.827.160.390)	50.436.346.777
- Trái phiếu	6.180.025	633.289.130.228	-	-	633.289.130.228
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
V. Đầu tư tài chính khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(138.604.500.000)	400.012.500.000
- Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(138.604.500.000)	400.012.500.000

Trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, có 1.437 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi; 1.098 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các hợp đồng môi giới trái phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn cuối kỳ:

Chỉ tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 30/09/2014				
Cổ phiếu niêm yết				
SVC	6.749	135.157.216	(23.798.717)	111.358.499
TMT	2.001.504	32.397.039.811	(5.376.821.379)	27.020.218.432
Cộng niêm yết	2.008.253	32.532.197.027	(5.400.620.096)	27.131.576.931
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Phân Lân Văn Điển	2.608.912	65.182.927.878	(49.529.455.878)	15.653.472.000
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Eden	199.850	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Dược Viên Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Công ty CP Bá Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(231.365.258)	22.399.800
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.844.256.400)	1.338.473.600
Cộng chưa niêm yết	3.568.166	89.417.258.171	(72.503.332.829)	19.989.547.000
Tổng cộng	5.576.419	121.949.455.199	(77.903.952.926)	47.121.123.931
Tại ngày 31/12/2013				
Cổ phiếu niêm yết				
TMT	2.499.534	65.792.945.173	(53.295.228.241)	12.497.716.932
SVC	1.952.219	40.760.040.803	(11.476.755.804)	29.283.284.999
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.513.493.200)	669.236.800
VNM	20.012	2.823.677.708	(122.057.707)	2.701.620.001
BHV	6.054	253.765.058	(222.284.258)	31.480.800
Cổ phiếu khác	105	4.708.516	(3.226.216)	1.482.300
Cộng niêm yết	4.896.197	113.817.867.258	(68.633.045.426)	45.184.821.832
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Tổng công ty Chăn Nuôi Việt Nam (VILICO)	7.650.000	77.265.000.000	(550.800.000)	76.714.200.000
Công ty CP Phân Lân nung chảy Văn điển VFMVF4	2.608.912	65.182.927.878	(44.311.631.878)	20.871.296.000
Công ty CP Đầu tư Kim Tự Tháp	2.470.000	21.648.504.963	(759.714.963)	20.888.790.000
Công ty CP Đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Công ty CP Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Eden	199.850	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
Công ty CP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Dược Viên Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Cộng chưa niêm yết	13.688.166	188.330.763.135	(63.959.694.135)	124.371.069.000
Tổng cộng	18.584.363	302.148.630.393	(132.592.739.561)	169.555.890.832

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn cuối kỳ:**

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 30/09/2014				
Cổ phiếu niêm yết				
FPT	595.032	31.997.151.249	(1.055.771.589)	30.941.379.660
HPG	2.262.104	130.632.984.543	(594.757.778)	130.038.226.765
CNG	366.350	14.542.195.053	(474.355.053)	14.067.840.000
Cộng niêm yết	3.223.486	177.172.330.845	(2.124.884.420)	175.047.446.424
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đập Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.273.600.000)	926.400.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty CP Việt Tín	629.900	6.654.826.400	(1.627.594.500)	5.027.231.900
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.926.996.073)	8.072.991.927
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	1.414.000	44.483.000.000	(5.740.158.000)	38.742.842.000
- CTCP Đường Quảng Ngãi	386.215	11.801.020.000	(987.000.000)	10.814.020.000
Cộng chưa niêm yết	4.628.584	101.468.507.174	(34.094.556.347)	67.373.950.827
Tổng cộng	7.852.070	278.640.838.019	(36.219.440.767)	242.421.397.251
Tại ngày 31/12/2013				
Cổ phiếu niêm yết				
PDN	1.134.734	38.486.638.584	(1.267.440.783)	37.219.197.801
Cộng niêm yết	1.134.734	38.486.638.584	(1.267.440.783)	37.219.197.801
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đập Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.100.800.000)	1.099.200.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty CP Việt Tín	629.900	6.654.826.400	(1.483.977.300)	5.170.849.100
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
- CTCP Đường Quảng Ngãi	321.846	11.801.020.000	(1.019.179.000)	10.781.841.000
Cộng chưa niêm yết	3.150.215	56.980.507.174	(27.827.160.390)	29.153.346.784
Tổng cộng	4.284.949	95.467.145.758	(29.094.601.173)	66.372.544.585

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác :

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 30/09/2014				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(266.942.000.000)	256.675.000.000
Cộng	10.267.000	523.617.000.000	(266.942.000.000)	256.675.000.000
Tại ngày 31/12/2013				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(138.604.500.000)	385.012.500.000
Cộng	10.267.000	523.617.000.000	(138.604.500.000)	385.012.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Đầu tư vào công ty liên kết (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 như sau:

	Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)	% biểu quyết của Công ty vào cuối kỳ	% sở hữu của Công ty vào cuối kỳ
Công ty CP Hùng Vương	-	-	453.519.495.731		
Công ty CP Xuyên Thái Bình	208.472.602.086	232.623.345.167	105.018.117.045	20.11%	20.00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	83.633.221.519	94.532.952.101	88.966.776.847	25.71%	25.66%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	-	-	74.963.163.726		
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94.207.086.291	81.408.687.051	83.214.486.850	20.13%	20.08%
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	44.497.837.785	30.842.103.978	34.414.250.564	20.02%	20.00%
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	205.407.921.538	148.661.806.909	173.966.308.277	20.01%	20.01%
CTCP Transimex-Saigon	96.645.528.976	140.921.450.752	126.916.483.591	20.00%	20.00%
CTCP Bibica	51.491.751.919	102.250.265.908	97.046.443.515	20.00%	20.00%
CTCP Khu Trúng VN	97.368.821.924	124.215.118.418	111.735.341.098	20.06%	20.04%
Cộng	881.724.772.038	955.455.730.285	1.349.760.867.243		

Tại ngày 30/9/2014 tỷ lệ biểu quyết GIL của Công ty mẹ là 5,74%, uỷ thác qua công ty con SSIAM là 14,24%, tỉ lệ biểu quyết tại công ty con là Quỹ Đầu tư SSIIMF là 0,17%, tổng tỷ lệ biểu quyết là 20,15% cổ phiếu lưu hành. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của GIL, phần cổ phiếu GIL do Công con của GIL mua lại được trình bày là cổ phiếu quỹ nên tỷ lệ biểu quyết của Công ty được tính lại thành 25,71% do trừ phần cổ phiếu Công ty con GIL mua lại theo cách trình bày của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của công ty trong 9 tháng đầu năm 2014 như sau:

	Số tiền (VND)
Số dư đầu kỳ	1.349.760.867.243
Mua trong kỳ	132.151.995.930
Thanh lý công ty liên kết trong kỳ	(467.638.148.672)
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	(26.153.390.674)
Lợi thế thương mại đã phân bổ trong kỳ	(36.231.500.739)
Phần chia sẻ lãi/(lỗ) trong kỳ	10.078.110.064
Cổ tức thực nhận	(32.602.386.400)
Vốn khác	(159.047.141)
Số dư cuối kỳ	955.359.890.285

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	-	172.237.860
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	480.239.250	309.668.694
Cộng	480.239.250	481.906.824

5. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.609.391.520	60.988.399.034	14.504.261.403	1.063.243.642	79.165.295.599
Tăng trong kỳ	-	4.579.337.948	-	93.500.000	4.672.837.948
Mua trong kỳ	-	4.579.337.948	-	93.500.000	4.672.837.948
Giảm trong năm	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Bán thanh lý	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	2.609.391.520	65.365.253.140	14.504.261.403	1.156.743.642	83.635.649.705
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.202.918.913	49.583.590.914	6.772.868.566	1.027.104.975	59.586.483.368
Tăng trong kỳ	336.951.864	4.212.387.775	1.118.180.205	17.955.663	5.685.475.507
Khấu hao	336.951.864	4.212.387.775	1.118.180.205	17.955.663	5.685.475.507
Giảm trong kỳ	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Bán thanh lý	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	2.539.870.777	53.593.494.847	7.891.048.771	1.045.060.638	65.069.475.033
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	406.472.607	11.404.808.120	7.731.392.837	36.138.667	19.578.812.231
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	69.520.743	11.771.758.293	6.613.212.632	111.683.004	18.566.174.672

6. Bất động sản đầu tư (đơn vị tính: VNĐ)

Đây là giá trị các toà nhà (nhà và đất) mà Công ty Quốc tế SSI đã mua tại Mỹ với mục đích cho thuê

Khoản mục	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên Giá	283.612.736.520	283.612.736.520
Khấu hao	29.216.819.762	22.809.163.040
Giá trị còn lại	254.395.916.758	260.803.573.480

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	45.407.215.838	109.671.558.000	1.656.576.688	156.735.350.526
Tăng trong kỳ	4.131.554.310	-	4.604.550.000	8.736.104.310
Mua mới	4.131.554.310	-	4.604.550.000	8.736.104.310
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	49.538.770.148	109.671.558.000	6.261.126.688	165.471.454.836
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	39.382.259.071	-	1.636.716.788	41.018.975.859
Tăng trong kỳ	3.329.229.759	-	186.669.987	3.515.899.746
<i>Khấu hao</i>	3.329.229.759	-	186.669.987	3.515.899.746
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	42.711.488.830	-	1.823.386.775	44.534.875.605
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	6.024.956.767	109.671.558.000	19.859.900	115.716.374.667
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	6.827.281.318	109.671.558.000	4.437.739.913	120.936.579.231

8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.960.535.062
Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.022.376.734
Cộng	19.982.911.796

9. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	2.400.439.756.419	914.256.741.795
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	1.949.213.573.510	647.585.181.717
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	444.750.353.842	260.694.246.604
- Phải thu phí tư vấn	1.951.127.188	1.701.845.703
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	1.569.332.887	611.388.379
- Phải thu khác	2.955.368.992	3.664.079.392
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	383.487.186	1.446.438.742
- Phải thu sở giao dịch	49.203.618	1.261.428.480
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	334.283.568	185.010.262
3. Phải thu khác	49.704.327.113	140.899.107.090
- Phải thu tổ chức phát hành (trái tức, cổ tức)	9.091.625.569	48.191.823.117
- Lãi tiền gửi ngân hàng	37.201.694.106	4.519.633.260
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu, tiền cọc	-	85.300.000.000
- Phải thu khác	3.411.007.426	2.887.650.713

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Vay và nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam	710.459.285.665	358.961.041.321
Vay thấu chi tại Ngân hàng Bảo Việt	450.157.395.150	-
Vay thấu chi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	190.055.867.405	-
Tổng cộng	1.350.672.548.220	358.961.041.321

Tỷ lệ lãi suất áp dụng cho các khoản vay thấu chi tại các ngân hàng dao động từ 2.5% đến 8.05%.

Chi tiết:

Số đầu năm	358.961.041.321
Phát sinh tăng	11.722.374.686.062
Phát sinh giảm	10.730.663.179.163
Số cuối kỳ	1.350.672.548.220

11. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	13.769.351.911	8.066.208.100

12. Dự phòng phải thu khó đòi (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu	(910.500.000)	(910.500.000)
cộng	(910.500.000)	(910.500.000)

13. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK& NHLK	8.597.707.694	3.232.406.755
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán phải trả	1.473.471.907	1.325.286.667
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	-	600.000.000
Trích trước HĐ đặt cọc môi giới chứng khoán	15.761.818.328	153.056.593
Phí dịch vụ khác	280.015.000	637.196.818
Trích trước chi phí lương tháng 13.2014	6.642.926.365	-
Phải trả khác	5.269.110.370	2.481.464.622
Tổng Cộng	38.025.049.664	8.429.411.455

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua ứng trước (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	5.233.087.630	4.862.033.750
Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán	65.009.400.000	146.009.400.000
Cộng	70.242.487.630	150.871.433.750

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	150.583.711	222.307.832
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	72.264.319.519	26.987.387.074
Thuế Thu nhập cá nhân	2.124.814.506	2.567.776.741
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	10.029.114.074	4.384.951.982
Các loại thuế khác	5.432.969.173	1.600.284.676
Cộng	90.001.800.983	35.762.708.305

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 9 tháng đầu năm 2014:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	812.954.788.671
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(73.737.098.525)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2013	(230.391.354.525)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 30.09.2014	373.539.889.176
- Hủy lỗ do thanh lý cổ phiếu công ty liên kết	(49.626.798)
- Lãi lỗ chưa thực hiện cty con - SSIAM- SSIIMF- SSIIC	(19.254.915.350)
- Lãi lỗ chưa thực hiện từ công ty liên kết	26.153.390.675
- Khoản hoàn nhập dự phòng từ công ty liên kết cho mục đích hợp nhất	(12.898.474.166)
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 22%	876.316.599.158
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</i>	<i>192.789.651.815</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp - tại công ty con</i>	<i>3.633.128.216</i>
Cộng thuế TNDN 9 tháng đầu năm 2014	196.422.780.022

Tài Sản thuế thu nhập hoãn lại

Số dư đầu năm	50.719.770.447
Thuế TNDN hoãn lại trong kỳ	31.459.005.173
Số dư cuối kỳ	82.178.775.620

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Số dư đầu năm	25.301.456.910
Thuế TNDN hoãn lại từ công ty con	477.853.337
Thuế hoãn lại từ dự phòng công ty liên kết	2.800.328.135
Số dư cuối kỳ	28.579.638.382

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VND):

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	303.811.200.300	94.665.215.100
Phải trả Sở GDCK HCM	281.245.069.813	7.575.285.755
Tiền gửi GDCK của NGT	1.149.879.559.806	1.034.904.144.342
Tổng Cộng	1.734.935.829.919	1.137.144.645.197

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VND)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán	176.000.000.000	414.006.180.000
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	24.696.685	50.767.329.469
Phải trả nhà đầu tư – khoản nhận kỳ quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	572.931.823.533	72.074.263.864
Các khoản khác	2.587.537.539	2.397.857.528
Tổng Cộng	751.544.057.757	539.245.630.861

18. Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VND)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	5.699.693.606	6.282.349.629
Phải trả cổ tức, trái tức cho cổ đông và trái chủ SSI	358.592.760.228	4.870.447.300
Cộng	364.292.453.834	11.152.796.929

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	89.950.440.876
Trích lập trong kỳ	29.748.614.942
Sử dụng trong kỳ	(15.267.932.300)
Số cuối kỳ	104.431.123.518

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)****20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.537.949.420.000	(5.358.122.972)	344.944.356.378	(89.246.317.760)	335.813.119.252	1.118.079.667.080	5.242.182.121.978
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(5% LN sau thuế)					18.592.884.339	(18.592.884.339)	-
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ (5% LN sau thuế)					18.592.884.339	(18.592.884.339)	-
Trích lập quỹ khen thưởng theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(3% LN sau thuế)						(11.155.730.603)	(11.155.730.603)
Trích lập quỹ phúc lợi theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ						(13.592.884.339)	(13.592.884.339)
Trích lập quỹ từ thiện theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(1% LN sau thuế)						(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2013 theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(10% mệnh giá)						(353.794.942.000)	(353.794.942.000)
Điều chỉnh lại thuế TNDN hiện hành theo quyết toán thuế năm 2013						(421.985.460)	(421.985.460)
Điều chỉnh lại thuế TNDN hoãn lại theo quyết toán thuế năm 2013						231.825.389	231.825.389
Khoản chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua bán cổ phiếu quỹ		1.172.783.437					1.172.783.437
Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 30.09.2014						644.031.607.036	644.031.607.036
Bán cổ phiếu quỹ			(2.747.546.160)	89.246.317.760			86.498.771.600
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014	3.537.949.420.000	(4.185.339.535)	342.196.810.218	-	372.998.887.930	1.341.191.788.425	5.590.151.567.039

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20.2 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	353.794.942	353.794.942
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	353.794.942	353.794.942
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	353.794.942	353.794.942
- Cổ phiếu phổ thông	353.794.942	353.794.942
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	(3.046.908)
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	-	(3.046.908)
- Cổ phiếu phổ thông	-	(3.046.908)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	353.794.942	350.748.034
- Cổ phiếu phổ thông	353.794.942	350.748.034
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VND)**

	Quý 3/2014	Quý 3/2013
Cổ tức	12.192.722.390	11.831.553.150
Trái tức	6.476.465.752	17.267.517.809
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	16.570.553.406	7.177.020.125
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	145.238.265.233	7.966.083.551
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	2.434.000.000	770.080.000
Tổng cộng	182.912.006.781	45.012.254.635

22. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VND)

	Quý 3/2014	Quý 3/2013
Lãi tiền gửi	80.711.816.644	77.150.522.994
Doanh thu phí ứng trước	2.374.788.797	1.241.223.623
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	47.739.806.278	14.478.164.257
Doanh thu khác	2.009.605.265	775.621.971
Tổng cộng	132.836.016.984	93.645.532.845

23. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VND)

	Quý 3/2014	Quý 3/2013
Chi phí môi giới chứng khoán	21.623.979.314	7.020.891.108
Chi phí tự doanh chứng khoán	12.370.942.753	143.995.365
Chi phí hoạt động tư vấn	105.101.205	-
Chi phí dự phòng	49.840.360.281	(18.250.940.727)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	35.142.046.104	39.166.968.722
<i>Chi phí trả lãi tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>3.139.474.994</i>	<i>2.328.053.103</i>
<i>Chi phí lãi vay ngân hàng</i>	<i>3.057.433.996</i>	<i>177.773.913</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>28.945.137.114</i>	<i>36.661.141.706</i>
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	76.421.152.425	58.177.686.451
<i>Chi phí lương</i>	<i>43.002.061.936</i>	<i>25.976.775.670</i>
<i>Chi phí bảo hiểm các loại theo lương</i>	<i>2.262.492.054</i>	<i>1.880.348.843</i>
<i>Chi phí đào tạo, chi phí nhân viên khác</i>	<i>879.497.661</i>	<i>351.739.460</i>
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	<i>1.153.939.741</i>	<i>1.351.357.915</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>5.160.009.924</i>	<i>5.788.377.763</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>6.657.477.855</i>	<i>6.699.210.846</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>16.375.365.971</i>	<i>13.746.579.462</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>930.307.283</i>	<i>2.383.296.492</i>
Tổng cộng	195.503.582.081	86.258.600.919

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 3/2014	Quý 3/2013
Chi phí nhân viên	2.552.192.489	2.511.856.139
Chi phí khấu hao và phân bổ	205.871.322	83.606.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	15.000
Tổng cộng	2.758.063.811	2.595.477.389

25. Thu nhập khác, chi phí khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 3/2014	Quý 3/2013
Thu nhập khác		
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	909.090.909
Thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng	-	17.656.249.999
Thu nhập khác	749.196.415	254.140.557
	749.196.415	18.819.481.465
Chi phí khác		
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.960.000
Chi phí khác	2.341.382	4.154.049
	2.341.382	6.114.049
	746.855.033	18.813.367.416

26. Nghiệp vụ với các bên có liên quan trong quý 3/2014 (đơn vị tính: VNĐ)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư NDH (Tên cũ: Công ty TNHH NDH Việt Nam)	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị, công ty liên kết
Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre	Công ty con của Công ty CP Xuyên Thái Bình
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	Công ty con của Công ty CP Xuyên Thái Bình
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty liên kết
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty liên kết
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Công ty liên kết
CTCP Transimex-Saigon	Công ty liên kết
CTCP Bibica	Công ty liên kết
CTCP Khử Trùng VN	Công ty liên kết
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch SSI
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là chủ tịch thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sài Gòn Đan Linh
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Ngân Hàng ANZ	Cổ đông chiến lược

Các khoản phải thu :

Công ty liên quan	Số đầu quý phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý phải thu
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Góp vốn đầu tư	15.000.000.000			15.000.000.000
Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước	-	334.455.777	334.455.777	-
Phí dịch vụ khác	-	11.377.778	11.377.778	-
Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	276.017.941	276.017.941	-
Ứng trước tiền thuê văn phòng	2.000.000.000			2.000.000.000
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	182.468.400	-	182.468.400	-
Cổ tức phải thu		1.049.999.300	1.049.999.300	
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	10.800.702.000			10.800.702.000
Công ty TNHH Đầu tư NDH				
Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán	-	482.900.532	482.900.532	-
Phí dịch vụ khác	-	1.379.045.139	1.379.045.139	-
NH ANZ Việt Nam				
Tiền gửi của nhà đầu tư	63.187.398	-	-	63.187.398
Tiền gửi của công ty	1.214.279.542	6.644.867.753	5.918.871.907	1.940.275.388
Cty CP Xuyên Thái Bình				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	235.372.802.501	5.366.042.666	8.115.500.000	232.623.345.167
Phí giao dịch chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán	-	619.073.643	619.073.643	-
Phí hợp đồng tư vấn	-	349.200.000	240.600.000	108.600.000
Cty CP SX-KD-XNK Bình Thạnh				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	91.958.036.891	4.582.933.126	2.836.635.000	93.704.335.017
Cty CP Giống cây trồng Trung ương				
Phí quản lý danh mục	407.610.404	3.732.310	407.610.404	3.732.310
Cty CP Giống cây trồng Miền Nam				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	74.284.697.883	3.024.662.329	3.005.789.000	74.303.571.012
Công ty CP chế biến hàng xuất khẩu Long An				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	23.439.087.378	1.763.828.222		25.202.915.600
Cty CP Kho vận Giao nhận Ngoại thương tp HCM (Transimex-Saigon)				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	134.672.232.721	6.249.218.032		140.921.450.753

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	-			-
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	125.422.452.630		4.487.660.436	120.934.792.194
Cty CP Bibica				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	100.528.229.007	3.572.627.101	1.850.590.200	102.250.265.908
Cty CP Khử trùng Việt Nam				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	121.764.021.319	5.100.191.097	2.649.094.000	124.215.118.416
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn				
Giao dịch nghiệp vụ kỳ quý		13.730.237.592	13.730.237.592	

Các khoản phải trả :

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	750.000.000	-	750.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư NDH				
Trả cổ tức bằng tiền	-	28.705.036.000	-	28.705.036.000
Cty CP Giống cây trồng Trung ương				
Phi tư vấn	50.000.000	-	50.000.000	-
Phi quản lý danh mục trả trước	382.875.000	-	382.875.000	-
Cty CP Xuyên Thái Bình				
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000			50.100.000.000
Ứng trước hợp đồng tư vấn	-	100.000.000	-	100.000.000
Đặt cọc môi giới CK	-	519.882.508.533	486.950.685.000	32.931.823.533
Lãi tiền đặt cọc môi giới	-	1.696.758.971	1.696.758.971	-
Chi phí thuê kho và dịch vụ	70.816.108	368.762.993	304.721.301	134.857.800
NH ANZ Việt Nam				
Trả cổ tức bằng tiền	-	61.934.420.000	-	61.934.420.000
Daiwa Securities Group Inc				
Trả cổ tức bằng tiền	-	35.471.420.000	-	35.471.420.000
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh				
Trả cổ tức bằng tiền	-	18.247.988.000	-	18.247.988.000
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn				
Trả cổ tức bằng tiền	-	5.087.220.000	-	5.087.220.000

Trang 37

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 3/2014 là 2.399.180.000 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

TPHCM, ngày 14 tháng 11 năm 2014

Người Lập Biểu


Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thủy

Ban Tổng Giám Đốc

